

Số: 06/BC - VHXXH

Trường Tân, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả tổng kiểm kê tài sản công
tại Phòng Văn hóa – Xã hội xã Trường Tân

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Trường Tân về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của xã Trường Tân

Thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Trường Tân triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Trường Tân báo cáo kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị, như sau:

I. Việc triển khai tổng kiểm kê tài sản công

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Trường Tân xã đã nghiêm túc thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai tổng kiểm kê theo đúng chỉ đạo của cấp trên, cụ thể:

1. Công tác tổ chức và ban hành văn bản

- Đã triển khai các văn bản: Quyết định số 213/QĐ-TTg, ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Quyết định số 3531/QĐ-BTC ngày 17/10/2025 của Bộ Tài chính về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0 giờ 00, ngày 01/01/2026; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Trường Tân triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026;

- Thành lập Hội đồng kiểm kê: Đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-VHXXH ngày 28/11/2025 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Trường Tân về việc thành lập Tổ kiểm kê về tổng kiểm kê tài sản công của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Trường Tân.

2. Công tác chuẩn bị và hướng dẫn

- Tập huấn kế toán đã tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cơ quan cấp trên tổ chức để nắm vững nghiệp vụ và các biểu mẫu mới theo quy định.

- Hướng dẫn nội bộ: Hội đồng kiểm kê đã phổ biến mục đích, ý nghĩa và cách thức thực hiện cho các bộ phận đang trực tiếp sử dụng tài sản tại đơn vị.

3. Công tác triển khai thực hiện

- Đã thực hiện rà soát toàn bộ sổ sách kế toán, danh mục tài sản hiện có trước khi tiến hành kiểm kê thực tế tại đơn vị.

- Tổ chức kiểm kê thực tế tại các phòng làm việc, các nhà văn hóa thôn, đối chiếu số lượng, tình trạng tài sản và ghi chép đầy đủ vào biên bản.

4. Kết quả thực hiện về thời gian

- Đơn vị đã tập trung nguồn lực, tranh thủ thời gian để hoàn thành công tác kiểm kê và lập báo cáo.

- Đánh giá: Hoàn thành đúng hạn so với kế hoạch chung của địa phương và cấp trên giao.

II. Tổng hợp kết quả tổng kiểm kê tài sản công

1. Tổng số đơn vị thực hiện kiểm kê: 01 đơn vị

2. Phân loại theo loại hình: Toàn bộ tài sản công tại đơn vị (100%) thuộc loại hình tài sản của Cơ quan nhà nước.

3. Phân loại theo giá trị tài sản:

3.1. Tài sản đã xác định được giá trị: Tổng số tài sản công đơn vị đang quản lý, sử dụng là 05 tài sản; với tổng nguyên giá là 77.500.000 đồng. Sau khi trích khấu hao và tính hao mòn lũy kế, giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm kiểm kê là 4.000.000 đồng. (Kèm theo Mẫu số S24-H).

3.2. Tài sản thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao: Tổng số 26 tài sản nhà đất, với tổng nguyên giá 114.204.648.000 đồng. (Kèm theo Mẫu số S24-H).

3.2. Tài sản chưa xác định được giá trị: Không.

III. Đánh giá chung về công tác quản lý tài sản công

1. Kết quả đã đạt được

- Lãnh đạo Phòng đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác tổng kiểm kê theo đúng chủ trương của Nhà nước.

- Đã hệ thống hóa lại toàn bộ danh mục tài sản sau khi sáp nhập xã, đảm bảo mọi tài sản hiện có đều được theo dõi.

- Tài sản công (máy tính, máy photo, bàn ghế, các nhà văn hóa...) về cơ bản được sử dụng đúng mục đích, phục vụ hiệu quả công tác chuyên môn tại đơn vị.

- Bước đầu đã cập nhật dữ liệu tài sản vào phần mềm quản lý (phần mềm kế toán), giúp việc theo dõi biến động tài sản nhanh chóng hơn.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn:

- Trang thiết bị văn phòng (máy tính, máy in) nhiều loại đã cũ, thường xuyên hư hỏng nhưng chưa có kinh phí thay thế đồng bộ.

2.2. Nguyên nhân:

- Khách quan: Do thực hiện công tác sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, quá trình bàn giao và tiếp nhận hồ sơ gặp nhiều khó khăn.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Về cơ chế, chính sách:

- Kiến nghị cấp trên có hướng dẫn cụ thể hơn về việc xử lý, xác định giá trị đối với các tài sản (bao gồm: công cụ, dụng cụ) cũ không còn hóa đơn chứng từ, không xác định được nguyên giá sau sáp nhập xã để kế toán dễ dàng hạch toán.

- Đơn giản hóa quy trình thanh lý tài sản công đối với các tài sản có giá trị thấp nhưng đã hư hỏng hoàn toàn.

2. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản

- Đề nghị xem xét điều chỉnh định mức trang bị máy tính, thiết bị văn phòng phù hợp với thực tế khối lượng công việc hiện nay (đặc biệt là phục vụ chuyển đổi số và dịch vụ công).

3. Về việc xây dựng Cơ sở dữ liệu

- Kiến nghị cấp trên thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về phần mềm quản lý tài sản công.

- Hỗ trợ liên thông dữ liệu giữa báo cáo kiểm kê thực tế và phần mềm quản lý tài sản của Bộ Tài chính để tránh việc nhập liệu thủ công nhiều lần.

4. Về công tác tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công

- Hướng dẫn chi tiết các quy trình thanh lý, điều chuyển tài sản dôi dư hoặc hư hỏng.

- Bố trí kinh phí hàng năm cho việc bảo trì, bảo dưỡng các tài sản có giá trị lớn để kéo dài thời gian sử dụng.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại của Phòng Văn hóa – Xã hội xã Trường Tân./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, VH-XH.

TRƯỞNG PHÒNG



Tăng Ngọc Tính

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: UBND Xã Trường Tân
Tên đơn vị kiểm kê: Phòng Văn hóa - Xã hội Xã
Mã đơn vị kiểm kê: T02135005
Loại hình đơn vị kiểm kê: Cơ quan nhà nước

BAO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUỘC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THIẾT CHẾ THỂ THAO, LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
(Áp dụng cho đối tượng thực hiện kiểm kê)

STT	Danh mục tài sản	Mã đơn vị quản lý tài sản tại 01/01/2025	Địa bàn tài sản (Đối với TSCĐ là đất và TSKCHT)		Mã tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chi tiêu về số lượng			Chi tiêu về hiện vật			Chi tiêu về giá trị			Tình trạng hạch toán		Tình trạng tài sản				Ảnh hưởng bởi thiên tai (bão,lũ) từ 2023 đến hết 2025 (chỉ tính với nhà, công trình xây dựng)			Số lần xây ra (nếu có)		Tài sản trên đất
			Tỉnh/ Thành phố	Xã/ Phường			Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (Tăng/ giảm)	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (Tăng/ giảm)	Nguyên giá (đồng)	CTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SĐ đúng mục đích	Còn sử dụng được-SĐ đúng không SD	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)		
I	Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao				1801	-	-			-			114.204.648.000	112.956.887.824		26		26					26				
I	Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã (****)				180101	-	-			-			102.149.750.000	102.149.750.000		4		4					4				
I.1	Đất				18010101	Khuôn viên	4			m2	9.085		102.149.750.000	102.149.750.000		4		4					4				
	Đất sản vận động (Phạm Trần)		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2022	Khuôn viên	1		m2	6.185		8.349.750.000	8.349.750.000		1		1					1				
	Đất sản vận động (Thị Đức)		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2021	Khuôn viên	1		m2	400		1.800.000.000	1.800.000.000		1		1					1				
	Đất sản vận động xã (Cao Duệ)		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2016	Khuôn viên	1		m2	1.500		81.000.000.000	81.000.000.000		1		1					1				
	Đất sản vận động (Quang Minh)		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2020	Khuôn viên	1		m2	1.000		11.000.000.000	11.000.000.000		1		1					1				
I.2	Nhà				18010102	Cái				m2																	
I.3	Công trình khác				18010103	Cái				-																	
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn (làng, ấp, bản và tương đương)				180102	-	-			-			12.054.898.000	10.807.137.824		22		22					22				
2.1	Đất				18010201	Khuôn viên	14			m2	7.639		10.120.800.000	10.120.800.000		14		14					14				
	Đất nhà văn hóa thôn Côi Hạ		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2022	Khuôn viên	1		m2	489		1.100.250.000	1.100.250.000		1		1					1				
	Đất nhà văn hóa thôn Côi Thượng		Thành phố Hải Phòng	Xã Trường Tân		2022	Khuôn viên	1		m2	465		627.750.000	627.750.000		1		1					1				

	Dất nhà văn hóa thôn Cầu Lam	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	788		1.063.800.000	1.063.800.000	1					1
	Dất nhà văn hóa Thôn Đông Hạ	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	170		225.900.000	225.900.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Vĩnh Duệ	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	190		150.000.000	150.000.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Đồng Thượng	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	180		197.400.000	197.400.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn An Thư	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	170		- 200.700.000	200.700.000	1					1
	Dất nhà văn hóa Thôn Đón Trư	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	150		141.000.000	141.000.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Đông Trại	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	210		479.700.000	479.700.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Quang Tiến	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	100		550.500.000	550.500.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Thị Đức	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	950		781.200.000	781.200.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Quảng Bị	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	1.338		1.806.300.000	1.806.300.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Nam Cầu 2	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	1.336		1.803.600.000	1.803.600.000	1					1
	Dất nhà văn hóa thôn Nam Cầu 1	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Khuôn viên	1	m ²	1.103		992.700.000	992.700.000	1					1
2.2	Nhà		1801020	2	Cái	8	m ²	1.100		1.934.098.000	686.337.824	8					8
	Nhà văn hóa thôn Quang Tiên	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	100		176.918.000	176.918.000	1					1
	Nhà văn hóa thôn Đồng Thượng	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	150		102.703.000		1					1
	Nhà văn hóa thôn Đồng Hạ	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	120		199.920.000		1					1
	Nhà Văn hóa thôn Thị Đức	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	100		976.587.000	390.341.824	1					1
	Nhà văn hóa thôn Đồng Trại	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	130		180.900.000		1					1
	Nhà Văn hóa thôn Vĩnh Duệ	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	200		19.992.000		1					1
	Nhà văn hóa thôn An Thư	Thành phố Hải Phòng Xã Trường Tân			Cái	1	m ²	140		119.078.000	119.078.000	1					1

[illegible]

